

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 9 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/9/2008	01/01/2008
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>184,166,655,696</b>	<b>180,440,320,384</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>15,998,942,012</b>	<b>40,729,778,709</b>
1. Tiền	111		13,591,227,414	9,180,507,095
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,407,714,598	31,549,271,614
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>44,812,600,000</b>	<b>45,000,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		44,812,600,000	45,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65,349,552,260</b>	<b>50,025,078,795</b>
1. Phải thu khách hàng	131		14,950,918,635	13,594,404,811
2. Trả trước cho người bán	132		26,070,211,162	24,653,620,605
5. Các khoản phải thu khác	135		24,328,422,463	11,777,053,379
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>54,594,722,132</b>	<b>42,082,998,707</b>
1. Hàng tồn kho	141		54,594,722,132	42,082,998,707
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,410,839,292</b>	<b>2,602,464,173</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,000,000	58,390,000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,325,764,535	105,929,557
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,081,074,757	2,438,144,616
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>68,405,505,194</b>	<b>62,024,146,549</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44,137,055,868</b>	<b>37,755,697,223</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		41,825,818,066	35,106,887,549
- Nguyên giá	222		84,146,823,419	73,036,060,585
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42,321,005,353)	(37,929,173,036)
3. Tài sản cố định vô hình	227		2,244,629,000	2,244,629,000
- Nguyên giá	228		2,244,629,000	2,244,629,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		66,608,802	404,180,674
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>24,265,000,000</b>	<b>24,265,000,000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		250,000,000	250,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		24,015,000,000	24,015,000,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3,449,326</b>	<b>3,449,326</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3,449,326	3,449,326
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>252,572,160,890</b>	<b>242,464,466,933</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 9 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/9/2008	01/01/2008
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>13,654,250,205</b>	<b>20,138,835,265</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13,046,434,764</b>	<b>19,531,050,961</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		800,000,000	800,000,000
2. Phải trả người bán	312		2,528,394,140	5,512,292,398
3. Người mua trả tiền trước	313		11,388,621	15,120,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		860,409,279	1,965,274,080
5. Phải trả người lao động	315		4,058,230,699	60,045,674
6. Chi phí phải trả	316		120,000,000	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4,668,012,025	11,178,318,809
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>607,815,441</b>	<b>607,784,304</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		3,449,326	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		604,366,115	607,784,304
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>238,917,910,685</b>	<b>222,325,631,668</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>235,749,498,258</b>	<b>218,122,617,027</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		81,900,000,000	78,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		109,563,390,783	109,563,390,783
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		14,793,157,021	14,793,157,021
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,820,432,125	4,820,432,125
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24,672,518,329	10,945,637,098
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí &amp; quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3,168,412,427</b>	<b>4,203,014,641</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3,168,412,427	4,203,014,641
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>252,572,160,890</b>	<b>242,464,466,933</b>
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>	000		-	-
5 - Ngoại tệ các loại	000			
- USD	000		1,739.16	1,122,449.09
- EUR	000		501.02	500.66

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### QUÝ III NĂM 2008

Đơn vị tính : Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	01	42,627,899,822	47,237,897,108	163,117,396,942	128,325,576,774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	8,549,949,601	74,924,302	8,808,707,510	642,109,128
3. Doanh thu thuần về bán hàng & CCDV	10	34,077,950,221	47,162,972,806	154,308,689,432	127,683,467,646
4. Giá vốn hàng bán	11	18,787,524,459	23,345,725,810	93,249,568,903	66,206,244,022
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & CCDV	20	15,290,425,762	23,817,246,996	61,059,120,529	61,477,223,624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,862,935,233	2,230,427,481	4,703,578,492	3,088,251,683
7. Chi phí tài chính	22	119,840,312	239,769,000	595,148,218	1,551,350,300
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	119,840,312	239,769,000	307,949,750	1,551,350,300
8. Chi phí bán hàng	24	7,470,576,351	10,896,350,844	29,534,501,555	24,012,052,810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,968,068,819	3,131,912,949	11,912,244,403	8,928,607,742
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	5,594,875,513	11,779,641,684	23,720,804,845	30,073,464,455
11. Thu nhập khác	31	261,471,312	87,400,000	460,364,295	189,793,030
12. Chi phí khác	32	200,000		600,000	
13. Lợi nhuận khác	40	261,271,312	87,400,000	459,764,295	189,793,030
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5,856,146,825	11,867,041,684	24,180,569,140	30,263,257,485
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	540,181,414	1,168,339,416	2,260,238,583	3,001,570,996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại năm 2007	52	3,449,326		3,449,326	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5,312,516,085	10,698,702,268	21,916,881,231	27,261,686,489
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	649	1,372	2,676	3,495

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	9 tháng đầu năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24,180,569,140
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	02	4,718,058,318
- Các khoản dự phòng	03	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4,856,144,319)
- Chi phí lãi vay	06	307,949,750
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24,350,432,889
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(15,721,309,740)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(12,524,252,870)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(6,077,216,074)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	54,390,000
- Tiền lãi vay đã trả	13	(307,949,750)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,962,882,443)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	304,304,752
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2,212,753,544)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(15,097,236,780)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11,099,416,963)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	692,272,727
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	187,400,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,856,144,319
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5,343,599,917)</b>
<b>III. Lưu chuyển từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3,900,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,190,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4,290,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(24,730,836,697)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>40,729,778,709</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>15,998,942,012</b>

Ngày 20 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng

*Đơn vị tính : VND*

Chỉ tiêu	Mã số
	9 tháng đầu năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008*

Đơn vị tính : VND

**I. Đặc điểm hoạt động:**

**1. Đặc điểm hoạt động:**

**Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty mẹ")**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 ngày 25 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 2 ngày (25/9/2006), lần 3 (04/6/2007), lần 4 (28/6/2007), lần 5 (24/7/2007) và lần 6 (18/01/2008).

Địa chỉ trụ sở chính: số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Tp.Hồ Chí Minh.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh:**

Trồng và chế biến dược liệu. Sản xuất kinh doanh Dược phẩm, vật tư, máy móc trang thiết bị y tế, hoá chất, mỹ phẩm và thực phẩm.

**Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC Bình Dương ("Công ty con")**

Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000067 ngày 11 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Hoá Nhựt, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty TNHH một thành viên.

**Ngành nghề kinh doanh:**

Trồng cây dược liệu. Sản xuất thực phẩm chức năng. Chưng, tinh cất và pha chế rượu mạnh. Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai. Sản xuất mỹ phẩm. Sản xuất thuốc, hoá dược và Dược liệu. Bán buôn đồ uống. Bán buôn thực phẩm chức năng. Bán buôn Dược phẩm.

**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

1. Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính: Việt Nam Đồng.

**III. Chế độ kế toán áp dụng tại Doanh nghiệp:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán Việt Nam:**

Công ty tuân thủ chấp hành các Chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các qui định pháp lý có liên quan.

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008*

Đơn vị tính : VNĐ

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:**

**Cơ sở kế toán chung:**

Các Báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ"). Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

**Cơ sở hợp nhất:**

**Công ty con**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

**Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ.

**3. Phương pháp kế toán hàng tồn kho:**

Nguyên tắc đánh giá: Được ghi nhận theo giá gốc. (Thực hiện theo chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho").

Phương pháp xác định giá trị hàng hoá tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: áp dụng theo thông tư 13/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** là toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008**

**Đơn vị tính : VND**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được đưa vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:** Nguyên giá được ghi nhận là toàn bộ chi phí bỏ ra để có tài sản cố định.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ:** Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, vốn góp vào Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Ghi nhận theo giá gốc

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hoá đơn, chứng từ.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm áp dụng theo thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% trên quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Năm 2008 Công ty tăng vốn Điều lệ từ 78.000.000.000 VND lên 81.900.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lấy ý kiến bằng văn bản ngày 10/9/2007.

Phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quyết định của Hội đồng Quản trị và theo Điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau thuế năm 2008 được phân chia vào cuối niên độ .

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng bán hàng bị trả lại.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TN hoãn lại:**

Thuế TNDN tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất theo quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi tiết như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

*Công ty mẹ*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế TNDN phải nộp là 20% trên lợi nhuận thu được trong 10 năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận, được miễn thuế trong 2 năm từ năm 2002 và giảm 50% cho 5 năm kể từ năm 2004.

*Công ty con*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 28% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn giảm thuế TNDN theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính. Thuế TNDN phải nộp là 28% trên lợi nhuận thu được kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận, được miễn thuế TNDN trong 02 năm từ năm 2008 và giảm 50% trong 02 năm kể từ năm 2010.

Thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối Kế toán:**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền:</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
<b>- Tiền mặt</b>	<b>13,591,227,414</b>	<b>9,180,507,095</b>
Công ty mẹ	5,562,680,940	1,487,656,397
Công ty con	8,028,546,474	7,692,850,698
<b>- Tiền gửi Ngân hàng</b>	<b>2,407,714,598</b>	<b>31,549,271,614</b>
Công ty mẹ	2,407,714,598	30,819,388,313
Công ty con		729,883,301
<b>Cộng</b>	<b>15,998,942,012</b>	<b>40,729,778,709</b>
<b>2. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
- Đầu tư ngắn hạn khác	<b>44,812,600,000</b>	<b>45,000,000,000</b>
+ Tiền gửi tiết kiệm NHTMCP Quân đội - CN Gò Vấp	40,000,000,000	40,000,000,000
+ Tiền gửi tiết kiệm NHNN & PTNT CN 6	4,812,600,000	5,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>44,812,600,000</b>	<b>45,000,000,000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>14,950,918,635</b>	<b>13,594,404,811</b>
Công ty mẹ	10,140,970,510	10,085,146,622
Công ty con	4,809,948,125	3,509,258,189

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC và CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
<b>Trả trước người bán</b>	<b>26,070,211,162</b>	<b>24,653,620,605</b>
Công ty mẹ	26,070,211,162	24,653,620,605
<b>Phải thu khác</b>	<b>24,328,422,463</b>	<b>11,777,053,379</b>
Công ty mẹ	24,328,422,463	11,757,322,977
+ Trả 35% HD 13/HDTV-15/11/07- Lập hồ sơ sử dụng đất	315,000,000	315,000,000
+ Công trình nhà xưởng Bình Dương chờ kết chuyển		1,340,310,118
+ Tiền thực hiện HĐ tư vấn phát hành CP	50,000,000	50,000,000
+ Chi phí xây dựng Phân xưởng Hoá Dược 2	11,022,740,099	1,211,090,846
+ Phải thu Cửa hàng Vũng Tàu	675,641,591	254,256,119
+ Phải thu Chi nhánh Hà Nội	4,547,148,757	3,772,223,935
+ Phải thu Chi nhánh Cần Thơ	4,863,132,404	4,734,800,204
+ Phải thu Chi nhánh Nha Trang	762,214,142	
+ Phải thu Chi nhánh Đà Nẵng	1,487,428,651	
+ Phải thu tiền bảo hộ lao động (PX.4)		11,872,679
+ Phải thu thuế thu nhập cá nhân CNV		31,186,220
+ Phải thu tiền chi hộ cho cá nhân	515,245,667	
+ Phải thu khác	44,700,976	36,582,856
+ Tạm nộp bảo hiểm xã hội tháng 9/2008	45,170,176	
Công ty con	-	19,730,402
+ Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân		19,730,402
<b>Cộng</b>	<b>65,349,552,260</b>	<b>50,025,078,795</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
<b>- Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>33,197,740,386</b>	<b>25,524,262,144</b>
Công ty mẹ	31,514,767,790	22,617,524,712
Công ty con	1,682,972,596	2,906,737,432
<b>- Công cụ, dụng cụ</b>	<b>94,540,057</b>	<b>210,745,878</b>
Công ty mẹ	29,324,409	20,404,463
Công ty con	65,215,648	190,341,415
<b>- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>-</b>	<b>296,765,644</b>
Công ty mẹ		296,765,644

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

4. Hàng tồn kho (tiếp theo)	30/09/2008	31/12/2007
<b>- Thành phẩm</b>	<b>18,163,429,545</b>	<b>15,633,938,500</b>
Công ty mẹ	15,235,474,984	13,258,629,333
Công ty con	2,927,954,561	2,375,309,167
<b>- Hàng hoá</b>	<b>299,054,410</b>	<b>17,596,433</b>
Công ty mẹ	250,075,097	3,203,733
Công ty con	48,979,313	14,392,700
<b>- Hàng gửi đi bán</b>	<b>2,839,957,734</b>	<b>399,690,108</b>
Công ty mẹ	2,839,957,734	399,690,108
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>54,594,722,132</b>	<b>42,082,998,707</b>
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
<b>- Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>4,000,000</b>	<b>58,390,000</b>
Công ty mẹ	4,000,000	58,390,000
<b>- Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>2,325,764,535</b>	<b>105,929,557</b>
Công ty mẹ	2,292,508,050	42,009,937
+ Thuế GTGT đầu ra	1,934,627,766	35,221,897
+ Thuế xuất nhập khẩu	7,117,362	6,788,040
+ Thuế nhà đất tiền thuê đất	342,994,700	
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	7,768,222	
Công ty con	33,256,485	63,919,620
+ Thuế GTGT đầu ra		30,663,135
+ Thuế thu nhập Doanh nghiệp	33,256,485	33,256,485
<b>- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1,081,074,757</b>	<b>2,438,144,616</b>
Công ty mẹ	1,044,139,757	2,438,144,616
+ Tạm ứng	652,642,709	2,360,750,864
+ Ký cược ký cược ngắn hạn khác	391,497,048	77,393,752
Công ty con	36,935,000	-
+ Tạm ứng	36,935,000	
<b>Cộng</b>	<b>3,410,839,292</b>	<b>2,602,464,173</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC và CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	33,358,986,221	32,144,251,785	5,319,266,988	1,959,010,137	254,545,454	73,036,060,585
Tăng mới	3,888,231,707	6,020,521,801	640,355,151	887,880,176	-	11,436,988,835
<i>Công ty mẹ</i>	3,550,659,835	4,869,745,275	640,355,151	887,880,176		9,948,640,437
<i>Công ty con</i>	337,571,872	1,150,776,526				1,488,348,398
Thanh lý, nhượng bán		326,226,001				326,226,001
Số dư cuối kỳ	37,247,217,928	37,838,547,585	5,959,622,139	2,846,890,313	254,545,454	84,146,823,419

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu kỳ	11,194,680,569	23,023,741,325	2,431,526,378	1,276,396,481	2,828,283	37,929,173,036
Khấu hao trong kỳ	1,437,772,047	2,559,673,507	433,073,331	274,812,159	12,727,274	4,718,058,318
<i>Công ty mẹ</i>	1,298,982,152	2,301,650,788	322,645,491	274,812,159		4,198,090,590
<i>Công ty con</i>	138,789,895	258,022,719	110,427,840		12,727,274	519,967,728
Thanh lý, nhượng bán		326,226,001				326,226,001
Số dư cuối kỳ	12,632,452,616	25,257,188,831	2,864,599,709	1,551,208,640	15,555,557	42,321,005,353

**Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình**

Tại ngày đầu kỳ	22,164,305,652	9,120,510,460	2,887,740,610	682,613,656	251,717,171	35,106,887,549
Tại ngày cuối kỳ	24,614,765,312	12,581,358,754	3,095,022,430	1,295,681,673	238,989,897	41,825,818,066

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19,340,645,850 đồng

**9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
Số dư đầu kỳ	2,244,629,000	2,244,629,000
Số dư cuối kỳ	2,244,629,000	2,244,629,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
Tại ngày đầu kỳ	2,244,629,000	2,244,629,000
Tại ngày cuối kỳ	2,244,629,000	2,244,629,000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/09/2008	31/12/2007
Công ty mẹ	66,608,802	66,608,802
+ Chi phí đầu tư xây dựng OPC Bình Dương chờ kết chuyển	66,608,802	66,608,802
Công ty con	-	337,571,872
+ Nhà để xe		337,571,872
<b>Cộng</b>	<b>66,608,802</b>	<b>404,180,674</b>

11. Đầu tư dài hạn	30/09/2008		31/12/2007
	Số lượng	Giá trị	Giá trị
- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (góp vốn liên doanh)		250,000,000	250,000,000
- Đầu tư dài hạn khác		24,015,000,000	24,015,000,000
+ Trái phiếu kho bạc Nhà nước		150,000,000	150,000,000
+ Quỹ HANOIFUND	5,000	5,075,000,000	5,075,000,000
+ Quỹ TIGERFUND	1,000,000	10,100,000,000	10,100,000,000
+ Cổ phiếu Công ty CP VTYT Dược Thái Bình	7,000	790,000,000	790,000,000
+ Cổ phiếu Công ty CP DP TƯ Vidiphar	100,000	3,800,000,000	3,800,000,000
+ Cổ phiếu Công ty Dược & TBVT Hà Tĩnh	5,000	1,250,000,000	1,250,000,000
+ Cổ phiếu Công ty Bao bì Dược	100,000	1,500,000,000	1,500,000,000
+ Cổ phiếu Công ty Hóa Dược Việt Nam	50,000	1,250,000,000	1,250,000,000
+ Cổ phiếu Công ty Dược & TBVT YT Tuyên Quang	10,000	100,000,000	100,000,000
<b>Cộng</b>		<b>24,265,000,000</b>	<b>24,265,000,000</b>

12. Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/09/2008	31/12/2007
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3,449,326	3,449,326
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ ( * )	3,449,326	3,449,326
<b>Cộng</b>	<b>3,449,326</b>	<b>3,449,326</b>

( \* ) Khoản thuế thu nhập đã được tính cho khoản lợi tức chưa thực hiện ( do hàng hóa từ Công ty con xuất bán cho Công ty mẹ chưa được bán ra ngoài) trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007

13. Nợ ngắn hạn	30/09/2008	31/12/2007
- Vay và nợ ngắn hạn	800,000,000	800,000,000
Công ty mẹ	800,000,000	800,000,000
+ Đối tượng khác	800,000,000	800,000,000
- Phải trả người bán	2,528,394,140	5,512,292,398
Công ty mẹ	1,280,759,265	3,678,121,948
Công ty con	1,247,634,875	1,834,170,450

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

13. Nợ ngắn hạn (tiếp theo)	30/09/2008	31/12/2007
<b>- Người mua trả tiền trước</b>	<b>11,388,621</b>	<b>15,120,000</b>
Công ty mẹ	496,887	15,120,000
Công ty con	10,891,734	
<b>- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>860,409,279</b>	<b>1,965,274,080</b>
+ Thuế thu nhập Doanh nghiệp	760,238,583	1,462,882,443
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt		48,874,150
+ Thuế thu nhập cá nhân	78,475,655	453,517,487
Công ty mẹ	59,238,171	433,787,085
Công ty con	19,237,484	19,730,402
+ Thuế GTGT phải nộp	21,695,041	
Công ty con	21,695,041	
<b>- Phải trả Công nhân viên</b>	<b>4,058,230,699</b>	<b>60,045,674</b>
Công ty mẹ	4,058,230,699	
Công ty con		60,045,674
<b>- Chi phí phải trả</b>	<b>120,000,000</b>	
Công ty con	120,000,000	
Tiền thuê mặt bằng	120,000,000	
<b>- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>4,668,012,025</b>	<b>11,178,318,809</b>
+ Kinh phí Công đoàn	164,788,975	270,333,391
Công ty mẹ	143,908,166	257,328,064
Công ty con	20,880,809	13,005,327
+ Bảo hiểm xã hội		
+ Các khoản phải trả khác	4,503,223,050	10,907,985,418
Tiền thực hiện đề tài	84,820,475	
Tiền đặt cọc thuê nhà	18,000,000	18,000,000
Tiền cổ tức 2007 và đợt 1/2008 chưa nộp Nhà nước	4,019,400,000	2,436,000,000
Tiền cổ tức đợt 1/2008 chưa trả cho Cổ đông	5,460,000	6,292,000,000
Thu tiền giữ hộ cho cá nhân		987,772,160
Thu tiền mua cổ phiếu đợt chào bán		1,174,213,258
Thuế TNCN của HĐQT và Ban kiểm soát	175,219,603	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	200,322,972	
<b>Cộng</b>	<b>13,046,434,764</b>	<b>19,531,050,961</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	30/09/2008	31/12/2007
Thuế thu nhập hoãn lại của năm 2007 phải nộp	3,449,326	
	3,449,326	
<b>Cộng</b>	<b>3,449,326</b>	

( \* ) Khoản thuế thu nhập đã được tính cho khoản lợi tức chưa thực hiện ( do hàng hóa từ Công ty con xuất bán cho Công ty mẹ chưa được bán ra ngoài) trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007. Năm 2008 số hàng hóa này bán hết, khoản lợi tức và thuế TNDN hoãn lại đã được thực hiện.

15. Nợ dài hạn	30/09/2008	31/12/2007
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	604,366,115	607,784,304
<b>Cộng</b>	<b>604,366,115</b>	<b>607,784,304</b>

## 16. Vốn chủ sở hữu

## a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp và thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư đầu năm 2</b>	<b>40,000,000,000</b>	<b>15,902,287,445</b>	<b>3,350,432,125</b>		<b>11,704,107,416</b>	<b>70,956,826,986</b>
Tăng vốn năm 200	38,000,000,000					38,000,000,000
Thặng dư vốn CP	109,563,390,783					109,563,390,783
Lãi sau thuế năm 2007					33,880,686,662	33,880,686,662
Trích các quỹ năm 2007		5,186,762,160	1,470,000,000		(9,596,762,160)	(2,940,000,000)
Chia LN cho liên doanh					(572,602,647)	(572,602,647)
Chia LN cho PX.Cồn					(165,684,757)	(165,684,757)
Chia cổ tức năm 2007					(12,600,000,000)	(12,600,000,000)
Chia lãi năm trước		(6,295,892,584)			(11,704,107,416)	(18,000,000,000)
<b>Số dư cuối năm :</b>	<b>187,563,390,783</b>	<b>14,793,157,021</b>	<b>4,820,432,125</b>	<b>-</b>	<b>10,945,637,098</b>	<b>218,122,617,027</b>
<b>Số dư đầu năm 2</b>	<b>187,563,390,783</b>	<b>14,793,157,021</b>	<b>4,820,432,125</b>	<b>-</b>	<b>10,945,637,098</b>	<b>218,122,617,027</b>
Tăng vốn trong kỳ	3,900,000,000					3,900,000,000
Thặng dư vốn cổ phần						-
Lãi sau thuế 9 tháng 2008					21,916,881,231	21,916,881,231
Cổ tức đợt 1 năm 2008					(8,190,000,000)	(8,190,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>191,463,390,783</b>	<b>14,793,157,021</b>	<b>4,820,432,125</b>	<b>-</b>	<b>24,672,518,329</b>	<b>235,749,498,258</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
Vốn góp của Nhà nước	15,834,000,000	15,080,000,000
Vốn góp của đối tượng khác	66,066,000,000	62,920,000,000
<b>Cộng</b>	<b>81,900,000,000</b>	<b>78,000,000,000</b>

  

<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu &amp; phân phối cổ tức, chia lợi</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>Năm 2007</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	81,900,000,000	78,000,000,000
+ Vốn góp đầu năm	78,000,000,000	40,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm ( * )	3,900,000,000	38,000,000,000
+ Vốn góp cuối năm	81,900,000,000	78,000,000,000
- Thặng dư vốn cổ phần	109,563,390,783	109,563,390,783
+ Cổ tức đã tạm chia ( * * )	8,190,000,000	12,600,000,000

( \* ) Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 thay đổi lần 3 (04/6/2007), lần 5 (24/7/2007) : tăng vốn điều lệ là 78.000.000.000 đồng và lần 6 (18/01/2008) tăng vốn điều lệ là 81.900.000.000 đồng, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp

( \* \* ) Năm 2007 chi cổ tức đợt 1: 8% trên tổng vốn 60.000.000.000 đồng, chi cổ tức đợt 2: 10% trên tổng vốn 78.000.000.000 đồng. Tạm chi cổ tức đợt 1 năm 2008: 10% trên tổng vốn 81.900.000.000 đồng.

<b>d. Cổ tức</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>Năm 2007</b>
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm</b>		<b>18%</b>
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông năm 2007		18%

  

<b>đ. Cổ phiếu</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>Năm 2007</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,190,000	7,800,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,190,000	7,800,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8,190,000</i>	<i>7,800,000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,190,000	7,800,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8,190,000</i>	<i>7,800,000</i>
+ <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	<i>10,000</i>	<i>10,000</i>

  

<b>e. Các quỹ</b>	<b>30/09/2008</b>	<b>Năm 2007</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	14,793,157,021	14,793,157,021
- Quỹ dự phòng tài chính	4,820,432,125	4,820,432,125
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,168,412,427	4,203,014,641
<b>Cộng</b>	<b>22,782,001,573</b>	<b>23,816,603,787</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

\* Mục đích trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để: bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh và những khoản lỗ của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.**

<b>17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9 tháng đầu năm 2008</b>	<b>9 tháng đầu năm 2007</b>
Công ty mẹ	139,049,984,435	123,585,968,875
+ Doanh thu bán thành phẩm hàng hóa	118,886,715,622	123,421,958,907
+ Doanh thu bán vật tư	20,010,982,921	164,009,968
+ Doanh thu dịch vụ	152,285,892	
Công ty con	24,067,412,507	4,739,607,899
+ Doanh thu bán thành phẩm hàng hóa	23,737,408,289	4,739,607,899
+ Doanh thu bán vật tư	330,004,218	
<b>Cộng</b>	<b>163,117,396,942</b>	<b>128,325,576,774</b>
<b>18. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>9 tháng đầu năm 2008</b>	<b>9 tháng đầu năm 2007</b>
Công ty mẹ	8,802,551,510	642,109,128
+ Hàng bán bị trả lại	139,663,705	522,944,704
+ Hàng tồn kho đến 31/8/2008 của các Chi nhánh trả lại Công ty	8,542,463,759	
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	120,424,046	118,169,651
+ Giảm giá hàng bán	-	994,773
Công ty con	6,156,000	
+ Hàng bán bị trả lại	6,156,000	
<b>Cộng</b>	<b>8,808,707,510</b>	<b>642,109,128</b>
<b>19. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9 tháng đầu năm 2008</b>	<b>9 tháng đầu năm 2007</b>
Công ty mẹ	130,247,432,925	122,943,859,747
+ Doanh thu bán thành phẩm hàng hóa	110,084,164,112	122,779,849,779
+ Doanh thu bán vật tư	20,010,982,921	164,009,968
+ Doanh thu dịch vụ	152,285,892	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

	9 tháng đầu năm 2008	9 tháng đầu năm 2007
<b>19. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)</b>		
Công ty con	24,061,256,507	4,739,607,899
+ Doanh thu bán thành phẩm hàng hóa	23,731,252,289	4,739,607,899
+ Doanh thu bán vật tư	330,004,218	-
<b>Cộng</b>	<b>154,308,689,432</b>	<b>127,683,467,646</b>
<b>20. Giá vốn hàng bán</b>		
Công ty mẹ	73,630,944,014	62,187,518,757
+ Giá vốn thành phẩm đã bán	53,727,000,376	62,029,579,630
+ Giá vốn vật tư đã bán	19,903,943,638	157,939,127
Công ty con	19,618,624,889	4,018,725,265
+ Giá vốn thành phẩm đã bán	19,354,931,399	4,018,725,265
+ Giá vốn vật tư đã bán	263,693,490	
<b>Cộng</b>	<b>93,249,568,903</b>	<b>66,206,244,022</b>
<b>21. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi cho vay	4,703,578,492	3,088,251,683
Công ty mẹ	4,406,250,650	3,087,819,781
Công ty con	297,327,842	431,902
<b>Cộng</b>	<b>4,703,578,492</b>	<b>3,088,251,683</b>
<b>22. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	307,949,750	1,551,350,300
- Chi phí tài chính khác	287,198,468	
<b>Cộng</b>	<b>595,148,218</b>	<b>1,551,350,300</b>
<b>23. Thu nhập khác</b>		
- Tiền thanh lý TSCĐ	20,000,000	
- Thu tiền cổ tức	169,215,600	153,900,000
- Các khoản khác	270,548,695	35,893,030
<b>Cộng</b>	<b>459,764,295</b>	<b>189,793,030</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC và CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

	9 tháng đầu năm 2008	9 tháng đầu năm 2007
<b>25. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán năm hiện hành</b>	<b>24,180,569,140</b>	<b>30,263,257,485</b>
+ Công ty mẹ	22,771,601,431	29,755,283,888
+ Công ty con	1,408,967,709	147,973,597
+ Điều chỉnh lãi vay nội bộ để tăng lợi nhuận kế toán		360,000,000
<b>2. Điều chỉnh tăng thu nhập kế toán để xác định thu nhập chịu thuế</b>	<b>24,848,466</b>	-
+ Khoản LN chưa thực hiện khi Cty con bán hàng cho Công ty mẹ	24,848,466	
<b>4. Điều chỉnh giảm thu nhập kế toán để xác định thu nhập chịu thuế</b>	<b>181,534,621</b>	<b>513,900,000</b>
+ Thu từ cổ tức lợi nhuận được chia	169,215,600	153,900,000
+ Doanh thu từ lãi vay nội bộ		360,000,000
+ Lợi nhuận thực hiện của khoản lợi tức chưa thực hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007	12,319,021	
<b>5. Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>24,023,882,985</b>	<b>29,749,357,485</b>
+ Công ty mẹ	22,602,385,831	29,601,383,888
+ Công ty con	1,421,497,154	147,973,597
<b>6. Thuế thu nhập Doanh nghiệp</b>	<b>4,918,496,369</b>	<b>5,961,709,385</b>
+ Công ty mẹ (20%)	4,520,477,166	5,920,276,778
+ Công ty con (28%)	398,019,203	41,432,607
<b>7. Thuế thu nhập được miễn, giảm.</b>	<b>2,658,257,786</b>	<b>2,960,138,389</b>
+ Công ty mẹ được giảm 50%	2,260,238,583	2,960,138,389
+ Công ty con được miễn 100%	398,019,203	
<b>8. Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp năm hiện hành</b>	<b>2,260,238,583</b>	<b>3,001,570,996</b>
+ Công ty mẹ	2,260,238,583	2,960,138,389
+ Công ty con		41,432,607
<b>26. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>9 tháng đầu năm 2008</b>	<b>9 tháng đầu năm 2007</b>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ @	3,449,326	
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>3,449,326</b>	

@ Hoãn lại khoản chi phí thuế TN đã nộp cho khoản lợi tức chưa thực hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC và CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Thời kỳ từ 01/01/2008 đến 30/9/2008

Đơn vị tính : VNĐ

<b>27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>9 tháng đầu năm 2008</b>	<b>9 tháng đầu năm 2007</b>
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	21,916,881,231	27,261,686,489
3. Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21,916,881,231	27,261,686,489
4. Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8,190,000	7,800,000
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( 3/4 )	2,676	3,495

  

<b>28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>9 tháng đầu năm 2008</b>	<b>9 tháng đầu năm 2007</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74,173,730,848	64,184,348,559
- Chi phí nhân công	22,876,780,341	17,926,449,429
- Chi phí khấu hao	4,718,058,318	3,687,814,449
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,572,366,951	1,828,333,680
- Chi phí khác bằng tiền	19,369,495,550	15,802,675,269
<b>Cộng</b>	<b>122,710,432,008</b>	<b>103,429,621,386</b>

Ngày 20 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT QUÝ III NĂM 2008

T ại ngày 30 tháng 9 năm 2008

### I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản	Mã số	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>184,166,655,696</b>	<b>180,440,320,384</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	15,998,942,012	40,729,778,709
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	44,812,600,000	45,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	65,349,552,260	50,025,078,795
IV. Hàng tồn kho	140	54,594,722,132	42,082,998,707
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	3,410,839,292	2,602,464,173
<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>68,405,505,194</b>	<b>62,024,146,549</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II. Tài sản cố định	220	44,137,055,868	37,755,697,223
III. Bất động sản đầu tư	240		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	24,265,000,000	24,265,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260	3,449,326	3,449,326
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>252,572,160,890</b>	<b>242,464,466,933</b>
<b>Nguồn vốn</b>			
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>13,654,250,205</b>	<b>20,138,835,265</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	13,046,434,764	19,531,050,961
II. Nợ dài hạn	330	607,815,441	607,784,304
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>238,917,910,685</b>	<b>222,325,631,668</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	235,749,498,258	218,122,617,027
II. Nguồn kinh phí & quỹ khác	430	3,168,412,427	4,203,014,641
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>252,572,160,890</b>	<b>242,464,466,933</b>

## II .KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính : Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. <b>Doanh thu bán hàng &amp; CCDV</b>	<b>01</b>	<b>42,627,899,822</b>	<b>47,237,897,108</b>	<b>163,117,396,942</b>	<b>128,325,576,774</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	8,549,949,601	74,924,302	8,808,707,510	642,109,128
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng &amp; CCDV</b>	<b>10</b>	<b>34,077,950,221</b>	<b>47,162,972,806</b>	<b>154,308,689,432</b>	<b>127,683,467,646</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	18,787,524,459	23,345,725,810	93,249,568,903	66,206,244,022
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; CCDV</b>	<b>20</b>	<b>15,290,425,762</b>	<b>23,817,246,996</b>	<b>61,059,120,529</b>	<b>61,477,223,624</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,862,935,233	2,230,427,481	4,703,578,492	3,088,251,683
7. Chi phí tài chính	22	119,840,312	239,769,000	595,148,218	1,551,350,300
- Trong đó : Chi phí tài chính	23	119,840,312	239,769,000	307,949,750	1,551,350,300
8. Chi phí bán hàng	24	7,470,576,351	10,896,350,844	29,534,501,555	24,012,052,810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,968,068,819	3,131,912,949	11,912,244,403	8,928,607,742
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD</b>	<b>30</b>	<b>5,594,875,513</b>	<b>11,779,641,684</b>	<b>23,720,804,845</b>	<b>30,073,464,455</b>
11. Thu nhập khác	31	261,471,312	87,400,000	460,364,295	189,793,030
12. Chi phí khác	32	200,000		600,000	
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>261,271,312</b>	<b>87,400,000</b>	<b>459,764,295</b>	<b>189,793,030</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>5,856,146,825</b>	<b>11,867,041,684</b>	<b>24,180,569,140</b>	<b>30,263,257,485</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	540,181,414	1,168,339,416	2,260,238,583	3,001,570,996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	3,449,326		3,449,326	
17. <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>5,312,516,085</b>	<b>10,698,702,268</b>	<b>21,916,881,231</b>	<b>27,261,686,489</b>
18. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>649</b>	<b>1,372</b>	<b>2,676</b>	<b>3,495</b>

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thị Hải Vân

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trương Đức Vọng